

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ - ST
Ngày 30 tháng 12 năm 2022.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH SƠN LA**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hiếu.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mùi Văn Hoạt
2. Bà Giàng Thị Máy

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hằng Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Mùi Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2022/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXX - HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bàn Thị Th, sinh năm 1984, địa chỉ: Bản N, xã M, huyện V, tỉnh Sơn La. Có mặt

Bị đơn: Anh Vì Văn Th, sinh năm 1982, địa chỉ: Bản N, xã M, huyện V, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2022, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét xử, chị Bàn Thị Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vì Văn Th kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện V, tỉnh Sơn La vào ngày 03/3/2008. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống của hai vợ chồng không hợp nhau, không hợp tính tình. Anh chị đã ly thân từ tháng 6/2022 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục chung sống với nhau, đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Vì Văn Th. Về con chung, trong thời gian chung sống, anh chị có 02 con chung, cháu thứ nhất

tên là Vì Thị Diệu A, sinh ngày 10/01/2009, cháu thứ hai tên là Vì Anh T, sinh ngày 15/9/2015, nguyện vọng của chị Th sau khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Không đề cập đến vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn: Anh Vì Văn Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bàn Thị Th kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện V, tỉnh Sơn La vào ngày 03/3/2008. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống của hai vợ chồng không hợp nhau, không hợp tính tình. Về con chung, trong thời gian chung sống, anh chị có 02 con chung, cháu thứ nhất tên là Vì Thị Diệu A, sinh ngày 10/01/2009, cháu thứ hai tên là Vì Anh T, sinh ngày 15/9/2015, nguyện vọng của anh Th sau khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Anh T, giao cháu Diệu A cho chị Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Không đề cập đến vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Qua xác minh, cán bộ tư pháp xã M cho biết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị Th và anh Vì Văn Th tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; về con chưa thành niên: Chị Th và anh Th có 02 con chung, là cháu Vì Thị Diệu A, và Vì Anh T. Hiện cháu D anh đang ở với M, còn cháu Anh T đang ở với bố; về tài sản chung, nợ chung: UBND xã không nắm được. Nay chị Th có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thg, UBND xã cung cấp những thông tin trên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục của vụ án dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Bàn Thị Th và anh Vì Văn Th kết hôn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã M là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung có nhiều bất đồng, không có tiếng nói chung. Anh, Chị cũng sống ly thân từ năm tháng 6 năm 2022 cho đến nay. Tại phiên tòa chị Bàn Thị Th nhất

quyết xin được ly hôn với anh Vì Văn Th. Do đó, đề nghị HĐXX tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị Th, xử cho chị được ly hôn với anh Vì Văn Th.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 02 con chung, cháu thứ nhất tên là Vì Thị Diệu A, sinh ngày 10/01/2009, cháu thứ hai tên là Vì Anh T, sinh ngày 15/9/2015.

Xét khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung của anh Vì Văn Th và chị Bàn Thị Th: Chị Bàn Thị Th hiện đang là giáo viên mầm non tại trường mầm non S, xã V, huyện V. Anh Vì Văn Th hiện đang là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã M, huyện V. Mức thu nhập của chị Th và anh Th tương đương nhau, khoảng 8.000.000đồng/tháng. Do cháu Vì Anh T còn nhỏ, hiện đang học lớp 2 tại trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã M, huyện V chị Bàn Thị Th là giáo viên nên có điều kiện tốt hơn để đảm bảo cho cháu T phát triển tốt nhất. Nên đề nghị HĐXX giao cháu Vì Anh T cho chị Bàn Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi là có căn cứ. Giao cháu Vì Thị Diệu A cho anh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bàn Thị Th và anh Vì Văn Th đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho chị Bàn Thị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Bàn Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vì Văn Th, xét thấy là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Vì Văn Th cư trú tại Bản N, xã M, huyện V, tỉnh Sơn La nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Sơn La theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Vì Văn Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử vắng mặt anh Thường theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 03/3/2018 chị Bàn Thị Th và anh Vì Văn Th tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện V. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Bàn Thị Th và anh Vì Văn Th là hợp pháp theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung của anh chị tường xảy ra xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh, chị bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Anh, chị đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị Bàn Thị Th cương quyết xin ly hôn với anh Vì Văn Th. HĐXX nhận thấy, anh chị sống ly thân đã được một thời gian, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị Bàn Thị Th được ly hôn với anh Vì Văn Th, theo quy định khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Bàn Thị Th và anh Vì Văn Th có 02 con chung, cháu thứ nhất tên là Vì Thị Diệu A, sinh ngày 10/01/2009, cháu thứ hai tên là Vì Anh T, sinh ngày 15/9/2015,

Xét khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung của anh Vì Văn Th và chị Bàn Thị Th: Chị Bàn Thị Th hiện đang là giáo viên mầm non tại trường mầm non S, xã V, huyện V. Anh Vì Văn Th hiện đang là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã M, huyện V. Mức thu nhập của chị Th và anh Th tương đương nhau, khoảng 8.000.000đồng/tháng. Do cháu Vì Anh T còn nhỏ, cần sự chăm sóc của Mẹ, HĐXX thấy giao cháu Tuấn cho chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cho cháu T có đủ điều kiện phát triển tốt nhất. Giao cháu Vì Thị Diệu A cho anh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn cho chị Bàn Thị Th.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử cho chị Bàn Thị Th được ly hôn với anh Vì Văn Th.

2. Về con chung: Giao cháu Vì Anh T, sinh ngày 15/9/2015 cho chị Bàn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Giao cháu Vì Thị Diệu A, sinh ngày 10/01/2009 cho anh Vì Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Th và chị Th có quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn cho chị Bàn Thị Th, Chị Th được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0000042 ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bàn Thị Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Vì Văn Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện; VKS tỉnh
- TAND tỉnh Sơn La;
- THADS huyện V;
- UBND xã M;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Hiếu